

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A15 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A15	Đoàn Duy Khôi	15/04/2011	Nam	26.00	
2	10A15	Đặng Ngọc Hân	22/10/2011	Nữ	23.75	
3	10A15	Trịnh Thị Kim Tuyền	01/01/2011	Nữ	23.25	
4	10A15	Huỳnh Đoàn Hoài Anh	16/04/2011	Nữ	22.50	
5	10A15	Lê Hoàng Huy	23/10/2011	Nam	22.25	
6	10A15	Nguyễn Thái Như Ngọc	22/05/2011	Nữ	21.75	
7	10A15	Lê Thị Như Huỳnh	21/07/2011	Nữ	20.75	
8	10A15	Nguyễn Đỗ Kim An	27/04/2011	Nữ	20.25	
9	10A15	Võ Ngọc Phương Uyên	14/12/2011	Nữ	19.75	
10	10A15	Phạm Nguyễn Gia Viên	19/04/2011	Nữ	19.25	
11	10A15	Nguyễn Hoàng Phúc Thịnh	19/12/2011	Nam	19.00	
12	10A15	Lê Huỳnh Xuân Vy	15/07/2011	Nữ	18.75	
13	10A15	Trần Thị Kim Tuyền	18/05/2011	Nữ	18.50	
14	10A15	Nguyễn Ngọc Vân Khánh	26/11/2011	Nữ	18.00	
15	10A15	Trương Thanh Tuấn	06/10/2011	Nam	18.00	
16	10A15	Võ Trần Thanh Tuyền	20/10/2011	Nữ	18.00	
17	10A15	Trương Thị Hồng Trâm	07/04/2011	Nữ	17.75	
18	10A15	Trần Quốc Phú	27/02/2011	Nam	17.75	
19	10A15	Lại Gia Huy	28/08/2011	Nam	17.25	
20	10A15	Nguyễn Gia Bảo	09/02/2011	Nam	17.00	
21	10A15	Nguyễn Thị Hồng Ngân	09/06/2011	Nữ	16.50	
22	10A15	Lại Nguyễn Thảo Vy	14/04/2011	Nữ	16.25	
23	10A15	Nguyễn Phạm Đức Trung	06/11/2011	Nam	16.00	
24	10A15	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	24/05/2011	Nữ	15.75	
25	10A15	Đoàn Thụy Ngọc Hà	01/01/2011	Nữ	15.75	
26	10A15	Đoàn Thanh Lộc	14/11/2011	Nam	15.50	
27	10A15	Nguyễn Lê Ngọc Tuyền	07/12/2011	Nữ	15.50	
28	10A15	Lê Khắc Thanh Huỳnh	23/12/2011	Nữ	15.25	
29	10A15	Lê Thị Anh Thư	27/12/2011	Nữ	15.00	
30	10A15	Nguyễn Ngọc Anh Thư	05/05/2011	Nữ	15.00	
31	10A15	Lê Nguyễn Cẩm Vân	15/10/2011	Nữ	14.75	
32	10A15	Nguyễn Thị Như Ý	15/06/2011	Nữ	14.50	
33	10A15	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	05/03/2011	Nữ	14.25	
34	10A15	Nguyễn Thị Anh Thư	20/10/2011	Nữ	14.25	
35	10A15	Nguyễn Đức Phát	21/02/2011	Nam	13.75	
36	10A15	Nguyễn Hữu Tính	27/04/2011	Nam	13.50	
37	10A15	Huỳnh Thị Khánh Thi	22/11/2011	Nữ	13.25	
38	10A15	Huỳnh Ngọc Thy Trang	27/03/2011	Nữ	13.00	
39	10A15	Đoàn Thị Thanh Vân	23/11/2011	Nữ	12.75	
40	10A15	Võ Hoài An	19/11/2011	Nam	12.50	
41	10A15	Nguyễn Ngọc Tường Vy	09/06/2011	Nữ	12.25	
42	10A15	Lương Thị Ngọc Hân	06/08/2011	Nữ	12.00	
43	10A15	Nguyễn Thành Nhân	06/08/2011	Nam	11.75	
44	10A15	Võ Minh Luân	03/08/2011	Nam	11.25	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A16 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A16	Trần Minh Trí	08/06/2011	Nam	26.25	
2	10A16	Nguyễn Lê Trường An	21/04/2011	Nữ	23.50	
3	10A16	Lê Ngọc Gia Hân	14/05/2011	Nữ	23.25	
4	10A16	Trần Thị Kim Tiền	24/02/2011	Nữ	22.50	
5	10A16	Lê Nguyễn Phi Long	16/09/2011	Nam	22.00	
6	10A16	Nguyễn Tú Anh	20/11/2011	Nữ	21.00	
7	10A16	Trần Tuấn Anh	04/02/2011	Nam	20.50	
8	10A16	Nguyễn Thị Xuân Mai	08/06/2011	Nữ	20.25	
9	10A16	Huỳnh Nguyễn Mai Khôi	21/05/2011	Nữ	19.50	
10	10A16	Đỗ Thảo Vy	14/12/2011	Nữ	19.25	
11	10A16	Võ Nguyễn Như Quỳnh	05/11/2011	Nữ	19.00	
12	10A16	Ngô Minh Trực	24/04/2011	Nam	18.75	
13	10A16	Trần Hoàng Yến	30/03/2011	Nữ	18.25	
14	10A16	Trần Hoàng Vy Thanh	11/05/2011	Nữ	18.00	
15	10A16	Bùi Ngọc Khánh Vy	15/07/2011	Nữ	18.00	
16	10A16	Nguyễn Hoàng Phúc Minh	30/08/2011	Nam	17.75	
17	10A16	Nguyễn Ngọc Thục Uyên	14/07/2011	Nữ	17.75	
18	10A16	Phan Tấn Duy	26/11/2011	Nam	17.75	
19	10A16	Lê Thị Kim Ngân	12/09/2011	Nữ	17.00	
20	10A16	Nguyễn Bảo Thy	21/09/2011	Nữ	17.00	
21	10A16	Phan Ngọc Thảo Nguyên	24/06/2011	Nữ	16.50	
22	10A16	Đỗ Nhựt Nam	28/05/2011	Nam	16.25	
23	10A16	Trần Ngọc Bảo Châu	25/10/2011	Nữ	16.00	
24	10A16	Nguyễn Thị Huyền Trân	08/11/2011	Nữ	15.75	
25	10A16	Đỗ Tấn Lộc	04/02/2011	Nam	15.50	
26	10A16	Đinh Hoàng Phương Vy	17/08/2011	Nữ	15.50	
27	10A16	Trần Thị Kim Ngân	18/05/2011	Nữ	15.50	
28	10A16	Văn Thị Yến Vi	18/04/2011	Nữ	15.25	
29	10A16	Huỳnh Bùi Như Ngọc	01/06/2011	Nữ	15.00	
30	10A16	Đinh Trần Mai Hương	20/08/2011	Nữ	14.75	
31	10A16	Nguyễn Phạm Khanh	05/03/2011	Nam	14.75	
32	10A16	Nguyễn Quốc Đại	22/12/2011	Nam	14.50	
33	10A16	Hồ Phương Thảo	17/11/2011	Nữ	14.25	
34	10A16	Nguyễn Ngọc An	22/06/2011	Nam	14.00	
35	10A16	Nguyễn Phúc Khang	20/05/2011	Nam	13.75	
36	10A16	Lê Hoàng Huy	08/10/2011	Nam	13.50	
37	10A16	Nguyễn Tấn Thuận	11/08/2011	Nam	13.25	
38	10A16	Phan Đình Thành Tài	28/07/2011	Nam	13.00	
39	10A16	Huỳnh Trần Bích Ngọc	08/06/2011	Nữ	12.75	
40	10A16	Trần Hạ Xuân Vy	12/04/2011	Nữ	12.50	
41	10A16	Lê Nguyễn Đông Như	27/07/2011	Nữ	12.25	
42	10A16	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/02/2011	Nữ	11.75	
43	10A16	Huỳnh Anh Quốc	26/05/2011	Nam	11.25	
44	10A16	Cao Lê Long Thuận	20/01/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A17 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 6: Địa lý, GDKTPL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A17	Lê Ngọc Trúc Huỳnh	28/08/2011	Nữ	23.75	
2	10A17	Trần Nguyễn Phương Quỳnh	12/05/2011	Nữ	23.50	
3	10A17	Huỳnh Thị Khánh Ngân	30/03/2011	Nữ	23.00	
4	10A17	Nguyễn Ngọc Thảo	18/04/2011	Nữ	22.50	
5	10A17	Trần Duy Khánh	07/05/2011	Nam	21.75	
6	10A17	Đặng Quốc Đạt	12/07/2011	Nam	20.75	
7	10A17	Lương Hoàng Thùy Trang	06/09/2011	Nữ	20.50	
8	10A17	Nguyễn Vy	08/05/2010	Nữ	20.00	
9	10A17	Đặng Trần Duy Khang	13/01/2011	Nam	19.25	
10	10A17	Đỗ Anh Quang	27/08/2011	Nam	19.25	
11	10A17	Phan Danh Tuấn Huy	27/02/2011	Nam	19.00	
12	10A17	Trương Thị Ngọc Tuyền	29/11/2011	Nữ	18.50	
13	10A17	Ngô Minh Tiến	06/08/2011	Nam	18.25	
14	10A17	Nguyễn Tường Vy	09/12/2011	Nữ	18.00	
15	10A17	Võ Ngọc Kim Thanh	05/09/2011	Nữ	18.00	
16	10A17	Phạm Thị Ngọc Như	29/07/2011	Nữ	17.75	
17	10A17	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	11/01/2011	Nữ	17.75	
18	10A17	Trương Huỳnh Ngọc Như Ý	29/06/2011	Nữ	17.50	
19	10A17	Nguyễn Thị Huỳnh Như	24/07/2011	Nữ	17.00	
20	10A17	Trần Thị Ngọc Ngân	18/11/2011	Nữ	16.75	
21	10A17	Nguyễn Lưu Thảo My	16/10/2011	Nữ	16.50	
22	10A17	Bùi Thị Minh Thơ	27/04/2011	Nữ	16.00	
23	10A17	Phan Ngọc Phương Linh	05/03/2011	Nữ	15.75	
24	10A17	Phan Huy Hoàng	28/12/2011	Nam	15.75	
25	10A17	Nguyễn Ngọc Thùy Ngân	22/10/2011	Nữ	15.50	
26	10A17	Nguyễn Hoàng Gia Khang	19/12/2011	Nam	15.50	
27	10A17	Lương Hoàng Kiệt	23/05/2011	Nam	15.25	
28	10A17	Nguyễn Ngọc Thiện	01/05/2011	Nam	15.00	
29	10A17	Nguyễn Võ Bảo Ngọc	15/09/2011	Nữ	15.00	
30	10A17	Võ Ngọc Tường Vy	25/01/2011	Nữ	14.75	
31	10A17	Võ Hoàng Minh Triết	01/01/2011	Nam	14.75	
32	10A17	Phan Hoàng Anh Tú	07/03/2011	Nam	14.50	
33	10A17	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	07/05/2011	Nữ	14.25	
34	10A17	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	24/07/2011	Nam	14.00	
35	10A17	Trần Nghi Hân	23/12/2011	Nữ	13.75	
36	10A17	Lâm Chí Đình	06/07/2010	Nam	13.50	
37	10A17	Nguyễn Gia Huy	10/06/2011	Nam	13.25	
38	10A17	Nguyễn Võ Anh Thư	12/01/2011	Nữ	13.00	
39	10A17	Phạm Nguyễn Như Ý	24/02/2011	Nữ	12.75	
40	10A17	Lê Đặng Gia Bảo	10/03/2011	Nam	12.50	
41	10A17	Lê Thị Yến Vy	04/03/2011	Nữ	12.25	
42	10A17	Ngô Quốc Kiệt	15/01/2011	Nam	11.75	
43	10A17	Nguyễn Kim Tuyền	11/07/2011	Nữ	11.25	
44	10A17	Huỳnh Nguyễn Anh Kiệt	22/06/2011	Nam	11.00	
45	10A17	Trần Thành Công	08/07/2010	Nam		Học lại lớp 10

Danh sách có 45 học sinh